TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 175/2017/HSST.
Ngày 25-7-2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đình Bản và bà Lò Thị Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Thu Trang, thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Mùi Thị Quyên, kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 170/2017/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lò Văn N, sinh ngày 12 tháng 02 năm 1999 tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản V, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Thái; con ông Lò Văn Đ (Đã chết) và bà Hoàng Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 18 tháng 11 năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội trộm cắp tài sản; bị bắt tạm giam từ ngày 01 tháng 5 năm 2017 đến nay; có mặt.

- Người bị hại:

+ Anh Mè Văn H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La; Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tiểu khu 12, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La; Vắng mặt.

+ Chị Sa Thị D, sinh năm 1996; nơi cư trú: Bản V, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La; Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Mùa A P, sinh năm 1959; nơi cư trú: Bản P, xã V, huyện V, tỉnh Sơn La; Có mặt.

+ Ông Vàng A P, sinh năm 1963; nơi cư trú: Bản P, xã V, huyện V, tỉnh Sơn La; Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Danh Q, sinh năm 1969; nơi cư trú: Bản C, xã L, huyện V, tỉnh Sơn La; Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Lò Văn N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vụ thứ nhất:

Sáng ngày 23/02/2017, Lò Văn N đi bộ đến khu vực tiểu khu 84/85, thị trấn N, huyện M thì gặp ông Lưu Văn D, anh Mè Văn H và một số người khác đang khoan giếng thuê, N xin làm thuê, ông D đồng ý. Làm việc đến khoảng 12 giờ cùng ngày, mọi người nghỉ ăn cơm trưa. Sau khi ăn cơm trưa xong, N hỏi mượn xe máy nhãn hiệu HONDA – WAVE RSX, BKS: xxxcủa anh H để đi mua nước uống, anh H đồng ý và giao xe cho N. Trên đường đi mua nước N nghĩ anh H và mọi người cùng khoan giếng không biết N là ai nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của anh H để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. N điều khiển xe máy đi đến khu vực bản C, xã V, tỉnh Sơn La thì dừng xe, mở cốp kiểm tra thấy trong cốp xe có 01 giấy đăng ký xe máy biển kiểm soát xxx, 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Mè Văn H. N lấy toàn bộ giấy tờ cho vào túi quần đang mặc rồi tiếp tục điều khiển xe đi đến quán mua bán, sửa chữa xe máy của Mùa A T để bán xe máy cho anh T, nhưng anh T không mua. Sau đó, anh T gọi cho bố là ông Mùa A P đến mua xe. Qua trao đổi, N đã bán chiếc xe máy trên cho ông P với giá 5.000.000 đồng. Để tránh bị phát hiện, khi thỏa thuận và làm giấy tờ mua bán xe N giới thiệu tên là Lò Q V, sinh năm 1994, trú tại: Bản V, xã M, huyện M. Sau khi bán xe máy xong N bắt xe khách đi về nhà, trên đường về N vứt chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của anh H xuống lề đường. Đối với số tiền 5.000.000 đồng do bán xe máy của anh H mà có N đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi sự việc xảy ra, ngày 30/4/2017 anh Mè Văn H có đơn trình báo đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M để điều tra làm rõ vụ án.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã thu giữ của ông Mùa A P: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA – WAVE RSX biển kiểm soát xxx, 01 đăng ký xe máy biển kiểm soát xx và 01 giấy tờ mua bán xe máy ngày 23/02/2017.

Tại Kết luận định giá số 16/TĐG-TCKH ngày 03/5/2017 của Hội đồng định giá kết luận: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA – WAVE RSX, BKS xxx, đã qua sử dụng giá trị: 8.000.000 đồng.

Đối với 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Mè Văn H do Lò Văn N vứt đi của anh Mè Văn H ngày 23/02/2017. Anh Mè Văn H đã được một người đàn ông không quen biết nhặt được tại huyện V, tỉnh Sơn La giao trả.

Ngày 02/6/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Mộc Châu đã trả 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA – WAVE RSX xxx và 01 đăng ký xe máy BKS xxx cho anh Mè Văn H quản lý sử dụng. Anh Mè Văn H không yêu cầu Lò Văn N bồi thường dân sự gì.

Ngày 12/6/2017, ông Lò Văn H (ông nội của N) đại diện gia đình Lò Văn N đã cùng bị cáo thỏa thuận bồi thường cho ông Mùa A P số tiền 5.000.000 đồng, ông P không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Vụ thứ hai:

Khoảng 10 giờ ngày 08/4/2017, N đi bộ đến tiểu khu 5, thị trấn M, huyện M, quan sát thấy trước cổng nhà anh Đặng Thanh M đang dựng 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE α, màu sơn trắng, BKS: yyy không có người trông coi. Quá trình điều tra xác định là xe của anh Nguyễn Mạnh C, trú tại tiểu khu 66, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La. N dắt xe đi khoảng 30 mét vào khu đất trống thuộc tiểu khu Bản M, thị trấn M, huyện M. N tháo cánh yếm, tháo các đầu nối dây dẫn điện dẫn đến ổ khóa điện ra, khởi động và điều khiển xe đến khu vực huyện V, tỉnh Sơn La để bán. Khoảng 15 giờ cùng ngày, N đến bản P, xã V, huyện V thì gặp ông Vàng A P, qua trao đổi N đồng ý bán chiếc xe máy BKS: yyy cho ông P với giá 3.000.000 đồng, việc mua bán xe máy có anh Lầu A N chứng kiến. Để tránh bị phát hiện, khi làm giấy tờ mua bán xe N ghi tên là Hoàng Văn N, sinh năm 1990, trú tại: bản V, xã M, huyện M. Sau khi làm giấy tờ mua bán, ông P trả trước cho N 1.000.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng hẹn khi nào N đưa giấy đăng ký xe thì ông P trả nốt. Đối với số tiền 1.000.000 đồng do bán xe máy N đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 06/5/2017 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu tiến hành xác định hiện trường nơi xảy ra vụ án là cổng nhà anh Đặng Thanh M tại tiểu khu 5, thị trấn M, huyện M. Quá trình xác định hiện trường không thu giữ gì.

Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã thu giữ của ông Vàng A P: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE α, màu sơn trắng, BKS: yyy và 01 giấy tờ mua bán xe máy ghi ngày 08/4/2017.

Tại Kết luận định giá số 20/TĐG-TCKH ngày 19/5/2017 của Hội đồng định giá kết luận: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE α, màu sơn trắng, BKS: yyy, đã qua sử dụng giá trị: 8.000.000 đồng.

Ngày 02/6/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã tiến hành trao trả 01 chiếc xe máy BKS: yyy cho người bị hại anh Nguyễn Mạnh C quản lý sử dụng. Anh Nguyễn Mạnh C không yêu cầu Lò Văn N bồi thường dân sự gì.

Ngày 12/6/2017, ông Lò Văn H đại diện gia đình Lò Văn N đã cùng bị cáo thỏa thuận thống nhất bồi thường cho ông Vàng A P số tiền 1.000.000 đồng, ông P không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Vụ thứ ba:

Khoảng 08 giờ ngày 27/4/2017, N đi đến khu vực bản A, xã Đ, huyện M, quan sát thấy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM - ELEGANT, màu sơn đen, BKS: zzz đang dựng ở chân đồi không có người trông coi. Quá trình điều tra xác định là xe của chị Sa Thị D, trú tại bản Vặt, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La. N đã dùng tay tháo 02 cánh yếm gắn ở hai bên xe và chiếc mặt nạ bằng nhựa gắn ở đầu xe, rút đầu nối dây dẫn điện dẫn đến ổ khoá điện ra, khởi động và điều khiển xe đi đến khu vực huyện V, tỉnh Sơn La để bán. Trên đường đi N dừng xe lại, mở cốp xe để kiểm tra xăng thì thấy trong cốp xe có 01 giấy đăng ký xe BKS: zzz mang tên Hà Thị D và 01 túi giả da màu đen bên trong đựng 02 chiếc tuốt nơ vít, 03 chiếc cờ lê bằng kim loại. Sau đó, N điều khiển xe đến quán sửa chữa xe máy của anh Nguyễn Danh Q, qua trao đổi N bán chiếc xe trên cho anh Q với giá 1.300.000 đồng. Sau khi nhận tiền N lấy lại túi giả da màu đen bên trong đựng 02 chiếc tuốt nơ vít và 03 chiếc cờ lê bằng kim loại, mục đích sử dụng làm công cụ để đi trộm cắp xe máy. Sau đó, N bắt xe khách đi về nhà. Đối với số tiền 1.300.000 đồng do N bán xe máy của chị D mà có N đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi bị mất tài sản, ngày 30/4/2017 chị Sa Thị D đã làm đơn trình báo đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu để điều tra làm rõ vụ án.

Ngày 30/4/2017 cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Mộc Châu đã tiến hành xác định hiện trường nơi xảy ra vụ án là khu vực chân đồi nương của chị Sa Thị D thuộc bản A, xã Đ, huyện M. Quá trình xác định hiện trường không thu giữ gì.

Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã thu giữ của anh Nguyễn Danh Q: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM - ELEGANT, màu sơn đen, BKS: zzzvà 01 đăng ký xe máy BKS: zzz; Thu giữ của chị Sa Thị D: 02 cánh yếm xe máy nhãn hiệu SYM, 01 mặt nạ xe máy SYM; Thu giữ của Lò

Văn N: 01 chiếc túi giả da màu đen bên trong đựng 02 chiếc tuốt nơ vít, 03 chiếc cờ lê bằng kim loại.

Tại Kết luận định giá số 15/TĐG-TCKH ngày 01/5/2017 của Hội đồng định giá kết luận: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM - ELEGANT, màu sơn đen, BKS: zzz, đã qua sử dụng giá trị: 5.000.000 đồng.

Ngày 02/6/2017 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã tiến hành trao trả: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM - ELEGANT, BKS: zzz; 01 đăng ký xe máy BKS: zzz; 02 cánh yếm xe máy nhãn hiệu SYM; 01 mặt nạ xe máy nhãn hiệu SYM; 01 túi giả da màu đen; 02 chiếc tuốc nơ vít; 03 chiếc cờ lê bằng kim loại cho chị Sa Thị D quản lý sử dụng. Chị Sa Thị D không yêu cầu Lò Văn N bồi thường gì thêm.

Ngày 12/6/2017, ông Lò Văn H đại diện gia đình Lò Văn N đã cùng bị cáo thỏa thuận thống nhất bồi thường cho anh Nguyễn Danh Q số tiền 1.300.000 đồng, anh Q không yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại bản cáo trạng số 134/CT-VKS ngày 10 tháng 7 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu đã truy tố Lò Văn N về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự và tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu luận tội, giữ nguyên cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lò Văn N phạm tội trộm cắp tài sản và tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Áp dụng các căn cứ pháp luật xử phạt đối với bị cáo như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lò Văn N từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lò Văn N 09 tháng đến 12 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 50, 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án số 28/2016/HSST ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

- Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1, 2, 3 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trả cho người bị hại các tài sản sau:

Trả cho anh Mè Văn H 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA – WAVE RSX BKS: xxxvà 01 đăng ký xe máy BKS: 26N1 – 043.39.

Trả cho anh Nguyễn Mạnh C 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE α, màu sơn trắng, BKS: 26G1 – 049.40.

Trả cho chị Sa Thị D: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM - ELEGANT, BKS: zzz; 01 Đăng ký xe máy BKS: zzz; 02 cánh yếm xe máy nhãn hiệu SYM; 01 mặt nạ xe máy nhãn hiệu SYM; 01 túi giả da màu đen; 02 chiếc tuốt nơ vít; 03 chiếc cờ lê bằng kim loại.

- Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 13 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Chấp nhận việc những người bị hại anh Mè Văn H, anh Nguyễn Mạnh C, chị Sa Thị D không yêu cầu bị cáo Lò Văn N phải bồi thường dân sự.

Chấp nhận việc bị cáo Lò Văn N và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mùa A P số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn), ông Vàng A P số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), anh Nguyễn Danh Q số tiền 1.300.000 đồng (Một triệu, ba trăm nghìn đồng).

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và lời khai của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

XÉT THẤY

Tại phiên toà, bị cáo Lò Văn N vẫn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, bị cáo không thay đổi, bổ sung thêm nội D gì làm thay đổi nội D của vụ án. Bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu.

Xét lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với biên bản tiếp nhận tin tố giác tội phạm, đơn trình báo của người bị hại, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, các vật chứng đã thu giữ, kết luận định giá tài sản, lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy có đủ căn cứ khẳng định:

Ngày 23/02/2017 Lò Văn N đã mượn 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA – WAVE RSX, BKS: xxx trị giá 8.000.000 đồng của anh Mè Văn H, sau đó bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy nên đã bỏ trốn khỏi khu vực làm thuê cùng anh H và đem xe đi bán. Bị cáo tự nhận tên là Lò Quang V để bán xe cho ông Mùa A P lấy số tiền 5.000.000đ và đã chi tiêu cá nhân hết. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự, quy định mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

Ngày 08/4/2017 Lò Văn N đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE α, màu sơn trắng, BKS: yyy trị giá 8.000.000 đồng của anh Nguyễn Mạnh C. Ngày 27/4/2017 Lò Văn N đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM - ELEGANT, màu sơn đen, BKS: zzz trị giá 5.000.000 đồng của chị Sa Thị D. Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, quy định mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Lò Văn N xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân nên vẫn thực hiện. Do đó, cần quyết định hình phạt nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án, đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tại địa phương nay lại tiếp tục phạm tội; lần phạm tội này bị cáo đã thực hiện một hành vi phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và hai hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, mỗi lần thực hiện đều đã đủ yếu tố cấu thành tội. Do vậy cần áp dụng tình tiết "phạm tội nhiều lần, tái phạm" đối với tội trộm cắp tài sản và tình tiết "tái phạm" đối với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc xe máy của anh Mè Văn Hvà hành vi trộm cắp chiếc xe máy của chị Sa Thị D, đồng thời còn tự thú thêm hành vi trộm cắp chiếc xe máy của anh Nguyễn Mạnh C. Bị cáo đã cùng gia đình bồi thường thiệt hại cho những người có quyền lợi liên quan. Do vậy được áp dụng điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự cho cả hai tội và áp dụng điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với tội trộm cắp tài sản. Bị cáo có ông nội là người nuôi dưỡng bị cáo từ nhỏ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Người bị hại Sa Thị D có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Do vậy áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Quá trình điều tra và xét hỏi công khai tại phiên toà thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố đã chết, bị cáo sống với ông bà nội từ nhỏ, bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Do bị cáo phạm hai tội nên cần áp dụng Điều 50, 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt chung của hai tội và tổng hợp hình phạt với bản án số 28/2016/HSST ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Tại bản án số 28/2016/HSST ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu xử phạt bị cáo 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội trộm cắp tài sản. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND xã M, huyện M nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án là ngày 20/12/2016 đến ngày bị cáo bị bắt tạm giam 01/5/2017 thì bị cáo đã thi hành được 04 tháng 11 ngày cải tạo không giam giữ, phần hình phạt bị cáo chưa chấp hành là 04 tháng 19 ngày cải tạo không giam giữ (chuyển đổi thành 01 tháng 16 ngày tù).

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trả tài sản cho các chủ sở hữu là anh Mè Văn H, anh Nguyễn Mạnh C, chị Sa Thị D là đúng quy định của khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần chấp nhận.

Về bồi thường dân sự: Người bị hại Mè Văn H, Nguyễn Mạnh C, Sa Thị D đều đã được nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự. Xét việc không yêu cầu bồi thường của những người bị hại là tự nguyện, không trái pháp luật, cần chấp nhận.

Đối với việc bị cáo Lò Văn N và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mùa A P số tiền 5.000.000 đồng, ông Vàng A P số tiền 1.000.000 đồng, anh Nguyễn Danh Q số tiền 1.300.000 đồng là tự nguyện, không trái pháp luật, cần chấp nhận.

Đối với ông Lò Văn H, do ông Hói không yêu cầu bị cáo phải trả số tiền ông đã bồi thường thay nên không đề cập đến việc giải quyết.

Đối với ông Mùa A P, ông Vàng A P, anh Nguyễn Danh Q là những người đã mua xe máy của Lò Văn N. Quá trình điều tra xác định: ông P, ông P, anh Q đều không biết những chiếc xe máy do Lò Văn N bán cho họ là do phạm tội mà có, việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu không đề cập xử lý là đúng pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn N phạm tội trộm cắp tài sản và tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lò Văn N 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lò Văn N 09 (Chín) tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 33 (Ba mươi ba) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt với bản án số 28/2016/HSST ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu xử phạt Lò Văn N 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành 04 tháng 11 ngày cải tạo không giam giữ, chưa chấp hành 04 tháng 19 ngày cải tạo không giam giữ (chuyển đổi thành 01 tháng 16 ngày tù). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 34 (Ba mươi bốn) tháng 16 (Mười sáu) ngày tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2017.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1, 2, 3 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trả cho người bị hại các tài sản sau:

Trả cho anh Mè Văn H 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA – WAVE RSX BKS: xxxvà 01 đăng ký xe máy BKS: xxx.

Trả cho anh Nguyễn Mạnh C 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE α, màu sơn trắng, BKS: yyy.

Trả cho chị Sa Thị D: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM - ELEGANT, BKS: zzz; 01 Đăng ký xe máy BKS: zzz; 02 cánh yếm xe máy nhãn hiệu SYM; 01 mặt nạ xe máy nhãn hiệu SYM; 01 túi giả da màu đen; 02 chiếc tuốt nơ vít; 03 chiếc cờ lê bằng kim loại.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 3, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Chấp nhận việc những người bị hại anh Mè Văn H, anh Nguyễn Mạnh C, chị Sa Thị D không yêu cầu bị cáo Lò Văn N phải bồi thường dân sự.

Chấp nhận việc bị cáo Lò Văn N và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mùa A P số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn), ông Vàng A P số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), anh Nguyễn Danh Q số tiền 1.300.000 đồng (Một triệu, ba trăm nghìn đồng).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị cáo Lò Văn N phải chịu là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Trại giam;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Hạnh